



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Thống kê kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001031178	Đỗ Thị Thảo	Anh	08/06/2004	QM10A	01					
2	000002	1001030481	Nguyễn Thành Nam	Anh	31/12/2004	QM10A	01					
3	000003	1001030488	Vũ Hồng	Anh	12/11/2004	QM10A	01					
4	000004	1001031621	Vũ Thị Vân	Anh	04/05/2004	QM10A	01					
5	000005	1001031623	Nguyễn Văn	Bình	12/08/2004	QM10A	01					
6	000006	1001030510	Đỗ Tiến	Đạt	30/06/2004	QM10A	01					
7	000007	1001030528	Đào Thùy	Dương	21/11/2004	QM10A	01					
8	000008	1001031217	Vương Thùy	Giang	11/09/2004	QM10A	01					
9	000009	1001031218	Ma Thị	Hằng	24/05/2004	QM10A	01					
10	000010	1001030547	Đào Anh	Hào	15/01/2003	QM10A	01					
11	000011	1001030554	Phạm Thúy	Hiền	11/04/2004	QM10A	01					
12	000012	1001031636	Hà Trung	Hiếu	28/11/2004	QM10A	01					
13	000013	1001030562	Lê Phương	Hòa	29/07/2004	QM10A	01					HP
14	000014	1001030574	Phạm Đức Quang	Huy	23/09/2004	QM10A	01					
15	000015	1001030576	Vũ Quang	Huy	02/03/2004	QM10A	01					
16	000016	1001031248	Nguyễn Hữu	Khang	19/09/2004	QM10A	01					
17	000017	1001030599	Lê Thị	Linh	15/01/2004	QM10A	01					
18	000018	1001030604	Nguyễn Mai	Linh	10/08/2004	QM10A	01					
19	000019	1001030611	Trần Mai	Linh	07/05/2004	QM10A	01					
20	000020	1001030614	Trịnh Đức	Long	02/07/2004	QM10A	01					
21	000021	1001031269	Trần Thị Tuyết	Mai	01/03/2004	QM10A	01					
22	000022	1001030648	Nguyễn Trung	Nguyen	10/09/2003	QM10A	01					
23	000023	1001030657	Nguyễn Ngọc	Oanh	28/08/2004	QM10A	01					
24	000024	1001030662	Đỗ Hoàng	Phúc	11/10/2004	QM10A	01					
25	000025	1001030669	Phạm Thị Thu	Phương	15/01/2004	QM10A	01					HP
26	000026	1001031395	Trần Thị	Quỳnh	17/02/2004	QM10A	01					
27	000027	1001030680	Nguyễn Quang	Sang	05/04/2004	QM10A	01					
28	000028	1001030682	Nguyễn Tiến	Sỹ	23/11/2004	QM10A	01					
29	000029	1001031304	Lê Phương	Thanh	29/04/2004	QM10A	01					
30	000030	1001030691	Vương Thị Mai	Thanh	15/02/2004	QM10A	01					
31	000031	1001031397	Mai Phương	Thảo	07/10/2004	QM10A	01					
32	000032	1001030696	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	20/09/2004	QM10A	01					
33	000033	1001030697	Nguyễn Phương	Thảo	29/11/2004	QM10A	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Thống kê kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000034	1001031666	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13/05/2004	QM10A	01					
2	000035	1001030701	Trương Thị	Thoan	09/09/2003	QM10A	01					
3	000036	1001030705	Nguyễn Thị	Thương	16/07/2004	QM10A	01					
4	000037	1001031676	Lê Thị Hà	Trang	10/07/2004	QM10A	01					
5	000038	1001031322	Hà Thị Thanh	Trúc	13/01/2004	QM10A	01					
6	000039	1001030725	Chu Quyết	Trường	16/06/2004	QM10A	01					
7	000040	1001030731	Nguyễn Hữu Minh	Tuấn	15/11/2004	QM10A	01					
8	000041	1001031400	Nguyễn Thị Kim	Uyên	03/04/2004	QM10A	01					
9	000042	1001031392	Đàm Thị Kiều	Xuân	26/09/2004	QM10A	01					
10	000043	1001030742	Nguyễn Như	Ý	27/01/2004	QM10A	01					
11	000044	1001030748	Tô Ngọc Hà	An	29/05/2004	QM10B	02					
12	000045	1001030475	Nguyễn Hải	Anh	08/07/2004	QM10B	02					
13	000046	1001030482	Nguyễn Thị Hải	Anh	06/09/2004	QM10B	02					
14	000047	1001031189	Nguyễn Việt	Anh	20/10/2004	QM10B	02					
15	000048	1001030489	Vũ Quỳnh	Anh	28/11/2004	QM10B	02					
16	000049	1001030506	Đoàn Tuấn	Cường	25/10/2004	QM10B	02					HP,ĐK
17	000050	1001030514	Vương Thành	Đạt	01/11/2004	QM10B	02					ĐK
18	000051	1001030535	Lê Ninh	Giang	27/08/2004	QM10B	02					
19	000052	1001030540	Hoàng Trung	Hải	22/03/2004	QM10B	02					
20	000053	1001030545	Tạ Thị	Hằng	24/08/2004	QM10B	02					
21	000054	1001030549	Nguyễn Thị Mai	Hậu	11/04/2004	QM10B	02					
22	000055	1001031635	Nguyễn Thế	Hiệp	24/04/2001	QM10B	02					HP,ĐK
23	000056	1001030556	Lê Đức	Hiếu	25/10/2004	QM10B	02					
24	000057	1001030564	Nguyễn Huy	Hoàng	12/10/2004	QM10B	02					
25	000058	1001030568	Trần Thu	Hường	11/10/2004	QM10B	02					
26	000059	1001030570	Hoàng Thế	Huy	02/11/2004	QM10B	02					
27	000060	1001030573	Nguyễn Quang	Huy	09/08/2004	QM10B	02					HP,ĐK
28	000061	1001031398	Trần Sỹ Quang	Huy	27/04/2004	QM10B	02					
29	000062	1001030582	Nguyễn Khánh	Huyền	26/10/2004	QM10B	02					
30	000063	1001030587	Phan Thị Thanh	Huyền	10/11/2004	QM10B	02					
31	000064	1001030592	Nguyễn Trung	Kiên	31/08/2004	QM10B	02					
32	000065	1001030598	Dương Thị Thuý	Linh	06/01/2004	QM10B	02					
33	000066	1001030600	Lưu Thị Khánh	Linh	02/09/2004	QM10B	02					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Thống kê kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000067	1001030606	Nguyễn Thùy	Linh	01/10/2004	QM10B	02					
2	000068	1001030613	Hồ Tuấn	Long	06/04/2004	QM10B	02					ĐK
3	000069	1001030620	Lê Thị	Ly	12/10/2004	QM10B	02					
4	000070	1001030625	Vũ Thị	Mai	26/08/2004	QM10B	02					
5	000071	1001030642	Nguyễn Hoài	Ngọc	09/11/2004	QM10B	02					
6	000072	1001030644	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	04/11/2004	QM10B	02					
7	000073	1001030652	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	25/12/2004	QM10B	02					
8	000074	1001030661	Nguyễn Hà	Phong	09/01/2004	QM10B	02					
9	000075	1001031464	Nguyễn Hà	Phương	06/08/2004	QM10B	02					
10	000076	1001030674	Nguyễn Văn	Quý	09/11/2000	QM10B	02					ĐK
11	000077	1001030679	Trần Khánh	Quỳnh	01/11/2004	QM10B	02					
12	000078	1001030686	Lê Thị	Tâm	11/04/2004	QM10B	02					
13	000079	1001030690	Nguyễn Hồng	Thanh	04/04/2004	QM10B	02					HP
14	000080	1001030693	Nguyễn Thị	Thành	24/02/2004	QM10B	02					
15	000081	1001030698	Nguyễn Thanh	Thảo	03/07/2004	QM10B	02					
16	000082	1001031307	Đặng Duy	Thế	10/09/2004	QM10B	02					
17	000083	1001030703	Thân Thị Hoàng	Thu	10/08/2004	QM10B	02					
18	000084	1001030709	Nguyễn Thủy	Tiên	22/12/2004	QM10B	02					
19	000085	1001030712	Trần Đức	Toàn	16/08/2004	QM10B	02					
20	000086	1001030721	Nguyễn Thu	Trang	25/02/2004	QM10B	02					
21	000087	1001031326	Nguyễn Thị Tố	Uyên	26/11/2004	QM10B	02					
22	000088	1001030737	Đặng Quốc	Việt	24/12/2004	QM10B	02					
23	000089	1001030741	Trương Thị Thanh	Xuân	20/01/2004	QM10B	02					
24	000090	1001030744	Dương Thị Hải	Yến	22/11/2004	QM10B	02					ĐK
25	000091	1001030460	Lý Quốc	An	27/07/2004	QT10A	03					
26	000092	1001030463	Chu Thị Hải	Anh	10/07/2004	QT10A	03					
27	000093	1001030467	Đỗ Thị Phương	Anh	15/01/2004	QT10A	03					
28	000094	1001030469	Hà Vân	Anh	27/08/2004	QT10A	03					
29	000095	1001030473	Nguyễn Đức	Anh	19/05/2004	QT10A	03					
30	000096	1001030478	Nguyễn Phương	Anh	30/09/2004	QT10A	03					
31	000097	1001031710	Trần Thị Lan	Anh	05/11/2004	QT10A	03					
32	000098	1001030492	Vũ Xuân	Anh	03/03/2004	QT10A	03					
33	000099	1001030494	Đoàn Thị Ngọc	Ánh	01/02/2004	QT10A	03					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Thống kê kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000100	1001031195	Lã Thị Phương	Ánh	14/08/2004	QT10A	03					
2	000101	1001031198	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	14/04/2004	QT10A	03					
3	000102	0901030556	Nguyễn Thị Minh	Ánh	06/10/2003	QT10A	03					
4	000103	1001031204	Nguyễn Thị Minh	Chi	08/03/2004	QT10A	03					
5	000104	1001030501	Vì Ngọc Hương	Chi	06/01/2004	QT10A	03					
6	000105	1001030949	Hoàng Thanh	Chúc	21/12/2004	QT10A	03					
7	000106	1001030512	Nguyễn Thành	Đạt	27/08/2004	QT10A	03					
8	000107	1001030515	Mai Hồ Ngọc	Diệp	24/11/2004	QT10A	03					
9	000108	1001030526	Đoàn Văn	Dung	04/09/2004	QT10A	03					
10	000109	1001030529	Lê Tùng	Dương	19/06/2004	QT10A	03					
11	000110	1001030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	05/08/2004	QT10A	03					
12	000111	1001030536	Nguyễn Thị Thu	Hà	28/08/2003	QT10A	03					
13	000112	1001031468	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2003	QT10A	03					
14	000113	1001031451	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	29/10/2004	QT10A	03					
15	000114	1001030551	Phạm Thị	Hậu	19/01/2003	QT10A	03					
16	000115	1001030557	Nguyễn Ngọc	Hiếu	28/06/2004	QT10A	03					
17	000116	1001030563	Hàn Thị Bích	Hoài	24/10/2004	QT10A	03					
18	000117	1001031638	Lê Việt	Hoàng	12/07/2003	QT10A	03					
19	000118	1001031233	Nguyễn Văn	Hùng	19/10/2004	QT10A	03					
20	000119	1001030577	Bùi Thị Thanh	Huyền	24/03/2004	QT10A	03					
21	000120	1001030579	Đỗ Thanh	Huyền	31/03/2004	QT10A	03					
22	000121	1001030583	Nguyễn Thị	Huyền	29/03/2003	QT10A	03					
23	000122	1001030593	Hoàng Tiến	Lâm	30/10/2004	QT10A	03					HP
24	000123	0901030558	Nguyễn Thùy	Linh	11/10/2003	QT10A	03					
25	000124	1001031647	Trần Phương	Linh	13/11/2004	QT10A	03					
26	000125	1001030626	Nguyễn Văn	Mạnh	04/04/2004	QT10A	03					
27	000126	1001030634	Vũ Huy	Nam	08/08/2004	QT10A	03					
28	000127	1001030636	Đào Thị	Ngân	26/12/2004	QT10A	03					
29	000128	1001030646	Phạm Thị Bích	Ngọc	09/12/2004	QT10A	03					
30	000129	1001030651	Hoàng Thị Quỳnh	Như	16/01/2004	QT10A	03					
31	000130	1001030659	Hoàng Xuân	Phong	21/12/2004	QT10A	03					
32	000131	1001030668	Nguyễn Thị Thu	Phương	13/12/2004	QT10A	03					
33	000132	1001030672	Nguyễn Minh	Quân	20/02/2004	QT10A	03					
34	000133	1001030684	Nguyễn Trọng	Tài	25/08/2004	QT10A	03					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Thống kê kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000134	1001031303	Đỗ Phương	Thanh	31/07/2004	QT10A	03					
2	000135	1001031759	Nguyễn Phương	Thảo	27/10/2004	QT10A	03					
3	000136	1001031394	Vũ Thị	The	12/03/2004	QT10A	03					
4	000137	1001030704	Trịnh Văn	Thuận	25/10/2004	QT10A	03					
5	000138	1001031452	Bùi Thị	Thùy	12/12/2004	QT10A	03					
6	000139	1001030711	Lê Công	Toàn	26/08/2004	QT10A	03					
7	000140	1001030713	Lý Thu	Trà	12/01/2004	QT10A	03					
8	000141	1001030718	Đoàn Thị Khánh	Trang	07/05/2004	QT10A	03					
9	000142	1001031576	Lương Thị Quỳnh	Trang	11/09/2004	QT10A	03					
10	000143	1001030720	Nguyễn Thị Kiều	Trang	28/03/2004	QT10A	03					
11	000144	1001031730	Vũ Huyền	Trang	14/11/2004	QT10A	03					
12	000145	1001030730	Đặng Quốc	Tuấn	13/09/2004	QT10A	03					
13	000146	1001031328	Nguyễn Thị Chà	Vi	11/02/2004	QT10A	03					
14	000147	1001030743	Bùi Thị Hải	Yến	28/01/2004	QT10A	03					
15	000148	1001031747	Phạm Huy	Hoàng	23/10/1996	QT10A	04					
16	000149	1001031238	Lê Thị	Hương	12/08/2001	QT10A	04					
17	000150	1001030462	Bùi Thị Lan	Anh	04/04/2004	QT10B	04					
18	000151	1001030466	Đỗ Phương	Anh	24/11/2004	QT10B	04					
19	000152	1001030470	Hoàng Bá Nam	Anh	24/09/2004	QT10B	04					ĐK
20	000153	1001030493	Doãn Thị Minh	Ánh	16/09/2004	QT10B	04					
21	000154	1001031197	Lê Thị Nhật	Ánh	25/05/2004	QT10B	04					
22	000155	1001030496	Nguyễn Đức	Biên	27/09/2004	QT10B	04					
23	000156	1001030500	Phạm Thị Phương	Chi	09/08/2004	QT10B	04					
24	000157	1001030502	Phạm Minh	Chiến	23/09/2004	QT10B	04					
25	000158	1001030504	Hà Văn	Chung	30/06/2003	QT10B	04					
26	000159	1001030505	Phan Thành	Công	02/01/2004	QT10B	04					
27	000160	1001031207	Trương Mạnh	Cường	10/02/2004	QT10B	04					
28	000161	1001030513	Phùng Văn	Đạt	22/12/2004	QT10B	04					
29	000162	1001030517	Nguyễn Hoàng	Diệu	27/01/2004	QT10B	04					
30	000163	1001030524	Phạm Văn Trung	Đức	08/12/2004	QT10B	04					
31	000164	1001030527	Đinh Tiến	Dũng	12/02/2004	QT10B	04					
32	000165	1001030531	Đoàn Quang	Duy	29/12/2004	QT10B	04					
33	000166	1001030538	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2004	QT10B	04					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Thống kê kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000167	1001030539	Nguyễn Việt	Hà	02/04/2004	QT10B	04					
2	000168	1001030546	Trần Thị Mỹ	Hạnh	22/11/2003	QT10B	04					
3	000169	1001030552	Nguyễn Thị Thu	Hiền	22/05/2004	QT10B	04					
4	000170	1001030560	Đặng Quang	Hoá	06/02/2004	QT10B	04					
5	000171	1001031237	Đỗ Thu	Hương	08/09/2004	QT10B	04					
6	000172	1001030575	Vũ Đức Quang	Huy	27/10/1999	QT10B	04					ĐK
7	000173	1001031246	Lô Ngọc	Huyền	06/10/2004	QT10B	04					
8	000174	1001030584	Nguyễn Thị Thu	Huyền	24/09/2004	QT10B	04					
9	000175	1001030590	Tạ Ngọc	Khánh	20/11/2004	QT10B	04					
10	000176	1001030805	Đỗ Ngọc	Linh	15/08/2004	QT10B	04					
11	000177	1001031258	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2004	QT10B	04					
12	000178	1001031391	Phạm Thuỳ	Linh	14/07/2004	QT10B	04					
13	000179	1001030616	Đỗ Thị Khánh	Ly	02/05/2004	QT10B	04					
14	000180	1001030629	Phạm Thị Trà	My	29/06/2004	QT10B	04					
15	000181	1001030904	Cao Quỳnh	Nga	08/01/2004	QT10B	04					
16	000182	1001031276	Cao Hồng	Ngọc	19/06/2004	QT10B	04					
17	000183	1001030645	Nguyễn Văn	Ngọc	04/12/2004	QT10B	04					
18	000184	1001031459	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	21/11/2004	QT10B	04					
19	000185	1001030649	Nguyễn Thị	Nhâm	10/02/2004	QT10B	04					
20	000186	1001030650	Ngô Yến	Nhi	02/03/2004	QT10B	04					
21	000187	1001030656	Lê Thị Lâm	Oanh	08/09/2004	QT10B	04					
22	000188	1001030666	Lý Thu	Phương	10/09/2004	QT10B	04					
23	000189	1001030673	Vương Minh	Quân	11/09/2004	QT10B	04					
24	000190	1001030681	Nguyễn Hữu	Son	08/12/2004	QT10B	04					
25	000191	1001030689	Nguyễn Hữu	Thắng	04/07/2004	QT10B	04					
26	000192	1001030692	Dương Trường	Thành	26/09/2004	QT10B	04					
27	000193	1001030706	Trịnh Thị	Thuy	20/12/2004	QT10B	04					
28	000194	1001030708	Chu Thùy	Tiên	13/01/2001	QT10B	04					
29	000195	1001030717	Đinh Thị Thùy	Trang	12/01/2004	QT10B	04					
30	000196	1001030719	Hà Thị Thùy	Trang	07/10/2004	QT10B	04					
31	000197	1001031471	Nguyễn Thị	Trang	24/09/2004	QT10B	04					
32	000198	1001031389	Nguyễn Thị Thu	Trang	22/11/2004	QT10B	04					
33	000199	1001030729	Chữ Quốc	Tuấn	30/03/2004	QT10B	04					
34	000200	1001030732	Vũ Văn	Tuấn	02/01/2004	QT10B	04					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Thống kê kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000201	1001070427	Phạm Hà Thảo	Anh	16/12/2004	KL10A	05					
2	000202	1001070428	Trần Thùy	Anh	05/11/2004	KL10A	05					HP
3	000203	1001070430	Nguyễn Thị Như	Bình	05/09/2004	KL10A	05					
4	000204	1001070432	Kiều Minh	Diễm	17/11/2004	KL10A	05					
5	000205	1001070435	Đoàn Bắc Đăng	Duy	26/12/2004	KL10A	05					
6	000206	1001071146	Nguyễn Khánh	Hoàng	08/07/2004	KL10A	05					
7	000207	1001070453	Hàn Quốc	Tuấn	21/04/2004	KL10A	05					HP,ĐK
8	000208	1001070425	Nguyễn Thị Vân	Anh	07/04/2004	QL10A	05					
9	000209	1001071401	Lê Hương	Cúc	20/11/2004	QL10A	05					
10	000210	1001070433	Nguyễn Đức	Đô	24/11/2004	QL10A	05					
11	000211	1001070436	Nguyễn Thị	Giang	19/02/2004	QL10A	05					
12	000212	1001070439	Nguyễn Công	Hiếu	23/08/2004	QL10A	05					
13	000213	1001070441	Nguyễn Quốc	Huy	22/08/1997	QL10A	05					
14	000214	1001071155	Nguyễn Hải	Long	22/06/2004	QL10A	05					
15	000215	1001071157	Bùi Thị Như	Ngọc	03/12/2004	QL10A	05					
16	000216	1001071161	Hoàng Thị	Nhi	01/01/2004	QL10A	05					
17	000217	1001071164	Đỗ Anh	Phương	14/10/2004	QL10A	05					
18	000218	1001071166	Đỗ Thị	Thùy	10/05/2003	QL10A	05					
19	000219	1001071169	Phạm Thị Thùy	Trang	28/09/2004	QL10A	05					
20	000220	1001071171	Vũ Văn	Trương	18/12/2004	QL10A	05					ĐK
21	000221	1001071172	Nguyễn Duy	Tuấn	12/05/2004	QL10A	05					ĐK
22	000222	1001070455	Trịnh Hữu	Tường	14/02/2004	QL10A	05					ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2